

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2017

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Duy Hiếu
2. Ông Bùi Quang Uyên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 30/6/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2017/TLST- HNGĐ ngày 03/4/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 14/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T - Sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn C - Sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/3/2017, bản tự khai ngày 03/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày: Chị và anh Trịnh Văn C kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10/02/1993 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do tính tình không hợp, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh C thường xuyên uống rượu, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C không nghe mà còn đánh đập bạo lực với chị. Xuất phát từ đó vợ chồng chị thường xuyên xô sát cãi chửi nhau. Tháng 8/2016 do không khắc phục được mâu thuẫn chị đã nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh C tại Tòa án, nhưng anh C đã xin lỗi và hứa sẽ thay đổi nên chị đã rút đơn khởi kiện để gia đình đoàn tụ. Nhưng sau khi về đoàn tụ anh C vẫn không thay đổi mà vẫn đánh đập, chửi bới và đuổi chị đi, do đó vợ chồng chị đã sống ly thân từ ngày 29/3/2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên

không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trịnh Văn C.

Đối với anh Trịnh Văn C tại bản tự khai ngày 04/4/2017 và các lời trình bày tại Tòa án anh xác nhận đúng là anh và chị Vũ Thị T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 10/02/1993 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai. Theo anh C, cuộc sống vợ chồng anh hòa thuận hạnh phúc đến tháng 8/2016 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và tạo dựng kinh tế, ngoài ra anh còn uống rượu, chị T tham gia khuyến bảo thì anh lại không làm chủ được bản thân nên đã đánh đập bạo lực với chị T. Tháng 8/2016 chị T nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh, anh đã xin lỗi và hứa sửa chữa thiếu sót của mình nên chị T đã rút đơn khởi kiện vợ chồng về đoàn tụ. Đến tháng 3/2017 vợ chồng anh lại phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên chị T đã bỏ nhà đi từ ngày 27/3/2017 vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn anh, xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn và có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: chị Vũ Thị T và anh Trịnh Văn C đều xác nhận vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Trịnh Văn D, sinh ngày 29/7/1993 cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hiện nay cháu D đã trên 18 tuổi nên khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T và anh C đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có tạo dựng được một số tài sản chung, khi ly hôn anh chị thỏa thuận tự chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị T và anh C đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ chứng minh về việc có đăng ký kết hôn và chứng cứ chứng minh mâu thuẫn gia đình. Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Đối với vụ án này Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần về quan hệ hôn nhân nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay chị Vũ Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu và nguyện vọng của mình về quan hệ hôn nhân. Đối với anh Trịnh Văn C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa vì vậy việc xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Vũ Thị T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết “Ly hôn” với anh Trịnh Văn

C. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị T và anh Trịnh Văn C là hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn từ giữa năm 2016. Nguyên nhân chính do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh C uống rượu, chị khuyên bảo anh không nghe mà còn đánh đập chị. Bản thân anh C cũng đã thừa nhận mâu thuẫn đúng như chị T trình bày. Mâu thuẫn của anh chị đã được chính quyền địa phương xác nhận đã hòa giải nhưng không thành và tháng 8/2016 chị T đã nộp đơn xin ly hôn anh C nhưng sau đó anh chị lại về đoàn tụ. Tại phiên tòa hôm nay chị T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh C. Xét thấy mâu thuẫn của chị T và anh C đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận là phù hợp với Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Chị T và anh C có một con chung là cháu Trịnh Văn D, sinh ngày 29/7/1993, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện cháu đã trên 18 tuổi nên khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị T và anh C đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị có tạo dựng được một số tài sản chung, khi ly hôn anh chị thỏa thuận tự chia và không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5]. Về công nợ chung: Chị T và anh C đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Trịnh Văn C.

2/ Về án phí: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự

huyện Bảo Thắng theo biên lai số 0009094 ngày 03/4/2017. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng;
- UBND xã S;
- Đương sự (2)
- Chi cục THADS Bảo Thắng;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng